

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm xe ô tô 7 chỗ.
- Gói thầu: Mua sắm xe ô tô 7 chỗ.
- Địa điểm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn.Địa chỉ: Số 28-30-32 đường Mạc Thị Bưởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Đầu tư mua sắm tài sản cố định của Agribank.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thông số kỹ thuật được nêu trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây là các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật tối thiểu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “Tương đương” hoặc “Ưu việt hơn” so với yêu cầu tối thiểu (kèm theo tài liệu của đơn vị có chức năng xác nhận)..

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn			
		Thông tin		Thông số kỹ thuật	
1	Xe ô tô	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG (DIMENSION-WEIGHT)			
		Kích thước tổng thể (Overall Dimension)	Dài x Rộng x Cao (L x W x H)	mm	5097 x 1990 x 1777
		Chiều dài cơ sở (Wheel base)		mm	2978
		Chiều rộng cơ sở (Tread)	Trước (front)/Sau (rear)	mm	1710/1724
		Khoảng sáng gầm xe (Ground Clearance)		mm	235
		Trọng lượng không tải (Kerb weight)		kg	2060
		Dung tích khoang hành lý (Cargo volume)		lit	583
		ĐỘNG CƠ VÀ VẬN HÀNH (ENGINE AND PERFORMANCE)			

		Loại động cơ (Engine type)		TSI (Turbocharge & Direct Injection)
		Dung tích xy lanh (Displacement)	cc	1984
		Công suất cực đại (Max output)	hp/rpm	220/4500-6200
		Mô men xoắn cực đại (Max torque)	Nm/rpm	350/1600-4400
		Tốc độ tối đa (Max speed)	km/h	190
		Dung tích bình nhiên liệu (Fuel tank capacity)	l	74
		Tiêu chuẩn khí xả (Emission standard)		EURO 5 Plus
		Tiêu thụ nhiên liệu kết hợp (fuel consumption)	l/100km	10
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG (DRIVETRAIN)				
		Hộp số (Transmission)		Tự động 8 cấp (8-speed automatic)
		Hệ thống truyền động (Drivetrain)		4 bánh toàn thời gian thông minh 4MOTION (4MOTION intelligent full-time 4-wheel drive)
		Các chế độ lái (Drive Mode)		Eco/ Normal/ Sport/ Individual/Off road/ Snow/ Offroad Individual
KHUNG GẮM (CHASSIS)				
		Hệ thống treo (Suspension)	Trước/Sau (Front/rear)	Độc lập Mc Pherson/ Liên kết đa điểm (McPherson/ Multi-link axle)
		Hệ thống lái (Steering)		Trợ lực điện biến thiên theo tốc độ (Speed-related variable steering assist)
		Hệ thống phanh (Brake)	Trước/Sau (Front/rear)	Đĩa thông gió/ Đĩa thông gió (Ventilated disc/ Ventilated disc)
		Mâm xe (Tires)		255/50R20/ Mâm xe màu bạc (255/50R20/ Silver wheels)
NGOẠI THẤT (EXTERIOR)				
		Đèn chiếu gần (Low beam light)		LED/Projector
		Đèn chiếu xa (High beam light)		LED/Projector
		Đèn ban chạy ban ngày (Day-time running light)		Có
		Chức năng tự động bật tắt (Auto on/off)		Có
		Điều chỉnh vùng chiếu sáng chủ		Có

		động (Dynamic headlight range control)		
		Đèn mở rộng góc chiếu (Static cornering light)		Có
		Mở rộng góc chiếu chủ động (Dynamic cornering light)		Có
		Đèn hỗ trợ thời tiết xấu (Poor weather light)		Có
		Chức năng đèn chào mừng (Leaving home)		Có
		Chức năng đèn chờ dẫn đường (Coming home)		Có
	Hệ thống đèn sau (LED rear combination lamp)			Cụm đèn LED LED rear combination lamp
		Đèn sương mù phía sau (Rear fog lamp)		Có
	Gương chiếu hậu (Exterior rearview mirror)	Chỉnh điện và gập điện (Power-folding/adjustable)		Có
		Chức năng sưởi (Heated)		Có
	Gạt mưa gián đoạn/tự động (Windshield wiper intermittent control with rain sensor)			Có
NỘI THẤT- TIỆN NGHI (INTERIOR- CONVIENCE)				
		Loại (type)		Bọc da, điều khiển đa chức năng (Leatherette-wrapped multi-function steering wheel)
	Ghế trước (Front seats)	Chất liệu bọc ghế (material)		Bọc da (Leather seats)
		Trượt/ngã chỉnh cơ (Mechanical slip/fall)		Có
		<i>Gập ghế 60:40 (Fold the seat 60:40)</i>		Có
	Hệ thống giải trí đa chức năng (Infotainment system)			Màn hình cảm ứng 8", kết nối App-Connect, USB, Bluetooth (8" touch screen, App-Connect, USB, Bluetooth connection)
	Hệ thống loa (Speakers)			6 loa (6 speakers)

		Hệ thống điều hòa (Air conditioner)			Tự động, 3 vùng nhiệt độ, lọc không khí (3-zones Climatronic, Air filter)
		Gương chiếu hậu trong xe chống chói tự động (Interior rearview mirror, auto-dimming)			Có
HỆ THỐNG AN TOÀN/AN NINH & HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI (SAFETY/SECURITY/DRIVER ASSISTANCE SYSTEM)					
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG (ACTIVE SAFETY)					
		Chống bó cứng phanh ABS (Anti-lock braking system)			Có
		Hỗ trợ phanh gấp BA (Brake Assit)			Có
		Hệ thống chống trượt khi tăng tốc ASR (Anti-skid regulation)			Có
		Hệ thống cân bằng điện tử ESC (Electronic stability control)			Có
		Khóa vi sai điện tử EDL (Electronic Differential Lock)			Có
		Hệ thống kiểm soát cự ly đỗ xe PDC (Park distance control)			Có
		Camera lùi (Rear view camera)			Có
HỆ THỐNG HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI (ASSISTANCE SYSTEM)					
		Hệ thống kiểm soát hành trình Cruise Control (CCS)			Có
		Phanh tay điện tử ESC (Electronic handbrake)			Có
AN TOÀN BỊ ĐỘNG (PASSIVE)					
		Hệ thống túi khí (Airbags)	Số lượng túi khí (Airbags)		6
			Túi khí người lái và hành khách phía trước (Driver and front passenger airbags)		Có
			Túi khí bên hông hàng ghế trước (Side airbags in front)		Có
			Túi khí rèm (Curtain airbags)		Có

1.3. Các yêu cầu khác

Nếu nhà thầu cung cấp hàng không đúng theo danh mục, quy cách chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và nhà thầu phải cung cấp lại đúng theo đúng danh mục hàng hóa đã chào thầu (mọi rủi ro và chi phí liên quan

do Nhà thầu chịu). Trường hợp nhà thầu không đáp ứng về cung cấp hàng hóa theo danh mục chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền hủy hợp đồng và mời nhà thầu khác cung cấp, mọi chi phí liên quan đến gói thầu sẽ do Nhà thầu chịu trách nhiệm.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi giao hàng. Toàn bộ hàng hóa sẽ được kiểm tra hoặc sử dụng thử (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu) trước khi bàn giao và nghiệm thu.

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa nhà thầu cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

- Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.